

1. MÔN TOÁN 8 – TUẦN 3

Tiết 5: LUYỆN TẬP

Bài 21: a) $9x^2 - 6x + 1 = (3x)^2 - 2 \cdot 3x \cdot 1 + 1^2 = (3x - 1)^2$

b) $(2x + 3y)^2 + 2(2x + 3y) + 1 = (2x + 3y)^2 + 2(3x + 2y) \cdot 1 + 1^2 = (2x + 3y + 1)^2$

Bài 22: a) $101^2 = (100 + 1)^2 = 100^2 + 2 \cdot 100 \cdot 1 + 1^2 = 10201$

b) $199^2 = (200 - 1)^2 = 200^2 - 2 \cdot 200 \cdot 1 + 1^2 = 39601$

c) $47.53 = (50 - 3) \cdot (50 + 3) = 50^2 - 3^2 = 2491$

Bài 23:

* Ta có: $(a - b)^2 + 4ab = a^2 - 2ab + b^2 + 4ab = a^2 + 2ab + b^2 = (a + b)^2$

* Ta có: $(a + b)^2 - 4ab = a^2 + 2ab + b^2 - 4ab = a^2 - 2ab + b^2 = (a - b)^2$

Áp dụng:

a) Với $a + b = 7$ và $a \cdot b = 12$, ta có:

$(a - b)^2 = (a + b)^2 - 4ab = 7^2 - 4 \cdot 12 = 1$

b) Với $a - b = 20$ và $a \cdot b = 3$, ta có:

$(a + b)^2 = (a - b)^2 + 4ab = 20^2 + 4 \cdot 3 = 412$.

Bài 25:

a) $(a + b + c)^2 = [(a + b) + c]^2 = (a + b)^2 + 2(a + b) \cdot c + c^2 = a^2 + 2ab + b^2 + 2ac + 2bc + c^2$

⇒ **Bài tập về nhà:** Bài 24, Bài 25b,c/SGK trang 12

Bài 4+5: NHỮNG HẰNG ĐẲNG THỨC ĐÁNG NHỚ(tt)

1. Lập phương của một tổng:

?1.

$(a + b)(a + b)^2 = (a + b)(a^2 + 2ab + b^2) = a(a^2 + 2ab + b^2) + b(a^2 + 2ab + b^2) = a^3 + 3a^2b + 3ab^2 + b^3$

Từ đó rút ra: $(a + b)^3 = a^3 + 3a^2b + 3ab^2 + b^3$

⇒ Với A, B là các biểu thức tùy ý, ta có:

$$(A + B)^3 = A^3 + 3A^2B + 3AB^2 + B^3$$

Áp dụng:

a) $(x + 1)^3 = x^3 + 3 \cdot x^2 \cdot 1 + 3 \cdot x \cdot 1^2 + 1^3 = x^3 + 3x^2 + 3x + 1$.

b) $(2x + y)^3 = (2x)^3 + 3 \cdot (2x)^2 \cdot 1 + 3 \cdot 2x \cdot 1^2 + 1^3 = 8x^3 + 12x^2 + 6x + 1$

2. Lập phương của một hiệu

?3. $[a + (-b)]^3 = a^3 + 3a^2(-b) + 3a(-b)^2 + (-b)^3 = a^3 - 3a^2b + 3ab^2 - b^3$

Từ đó rút ra $(a - b)^3 = a^3 - 3a^2b + 3ab^2 - b^3$

⇒ Với A, B là các biểu thức tùy ý, ta có:

$$(A - B)^3 = A^3 - 3A^2B + 3AB^2 - B^3$$

Áp dụng

a) $\left(x - \frac{1}{3}\right)^3 = x^3 - 3x^2 \cdot \frac{1}{3} + 3x \left(\frac{1}{3}\right)^2 - \left(\frac{1}{3}\right)^3 = x^3 - x^2 + \frac{1}{3}x - \frac{1}{27}$

b) $(x - 2y)^3 = x^3 - 3x^2 \cdot 2y + 3x(2y)^2 - (2y)^3 = x^3 - 6x^2y + 12xy^2 - 8y^3$

c) Các hằng đẳng thức 1;3 là đúng. Từ đó rút ra nhận xét $(A - B)^2 = (B - A)^2$ và $(A - B)^3 = -(B - A)^3$

3. Tổng của hai lập phương

?1. $(a + b)(a^2 - ab + b^2) = a(a^2 - ab + b^2) + b(a^2 - ab + b^2) = a^3 + b^3$

⇒ Với A, B là các biểu thức tùy ý, ta có:

$$A^3 + B^3 = (A + B)(A^2 - AB + B^2)$$

Chú ý: Ta qui ước gọi $A^2 - AB + B^2$ là bình phương thiếu của hiệu A-B.

Áp dụng:

a) $x^3 + 8 = x^3 + 2^3 = (x + 2)(x^2 - 2x + 4)$

b) $8x^3 - y^3 = (2x)^3 - y^3 = (2x - y)((2x)^2 + 2xy + y^2) = (2x - y)(4x^2 + 2xy + y^2)$

4. Hiệu của hai lập phương:

?3. $(a - b)(a^2 + ab + b^2) = a(a^2 + ab + b^2) - b(a^2 + ab + b^2) = a^3 - b^3$

⇒ Với A, B là các biểu thức tùy ý, ta có:

$$A^3 - B^3 = (A - B)(A^2 + AB + B^2)$$

Chú ý: Ta qui ước gọi $A^2 + AB + B^2$ là bình phương thiếu của tổng A+B.

Áp dụng:

a) $(x - 1)(x^2 + x + 1) = x^3 - 1^3 = x^3 - 1$

b) $8x^3 - y^3 = (2x)^3 - y^3 = (2x - y)((2x)^2 + 2xy + y^2) = (2x - y)(4x^2 + 2xy + y^2)$

⇒ Ta có bảy hằng đẳng thức đáng nhớ

7 Hằng Đẳng Thức Đáng Nhớ

1. <u>Bình phương của một tổng</u>	$(a + b)^2 = a^2 + 2a.b + b^2$
2. <u>Bình phương của một hiệu</u>	$(a - b)^2 = a^2 - 2a.b + b^2$
3. <u>Hiệu của 2 bình phương</u>	$a^2 - b^2 = (a - b).(a + b)$
4. <u>Lập phương của một tổng</u>	$(a + b)^3 = a^3 + 3a^2b + 3ab^2 + b^3$
5. <u>Lập phương của một hiệu</u>	$(a - b)^3 = a^3 - 3a^2b + 3ab^2 - b^3$
6. <u>Tổng của 2 lập phương</u>	$a^3 + b^3 = (a + b).(a^2 - a.b + b^2)$
7. <u>Hiệu của 2 lập phương</u>	$a^3 - b^3 = (a + b).(a^2 + a.b + b^2)$

⇒ **Bài tập về nhà:**

Bài 26,27/SGK trang 14.

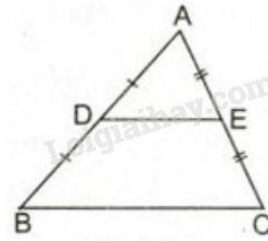
Bài 30,31/SGK trang 16.

Bài 4: ĐƯỜNG TRUNG BÌNH CỦA TAM GIÁC, CỦA HÌNH THANG

1. Đường trung bình của tam giác:

?1. Dự đoán: E là trung điểm của đoạn AC .

Định lí 1: Đường thẳng đi qua trung điểm một cạnh của tam giác và song song với cạnh thứ hai thì đi qua trung điểm cạnh thứ 3.



GT | $\Delta ABC, AD=DB; DE//BC$

KL | $AE=EC$

Định nghĩa: Đường trung bình của tam giác là đoạn thẳng nối trung điểm hai cạnh của tam giác.

?2. Học sinh tự vẽ rồi đo để kiểm tra.

Định lí 2: Đường trung bình của tam giác thì song song với cạnh thứ ba và bằng nửa cạnh đó.

GT | $\Delta ABC, AD=DB, AE=EC$

KL | $DE//BC, DE=\frac{1}{2}BC$

Áp dụng:

Bài 20a/SGK trang 79

Giải:

Ta có $\widehat{AKI} = \widehat{ACB} = 50^\circ$ mà hai góc này ở vị trí đồng vị nên $KI//BC$

Trong ΔABC có:

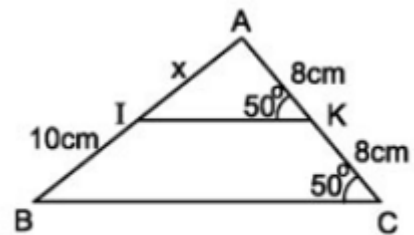
K là trung điểm AC(vì $AK=KC=8\text{cm}$)

$KI//BC$ (chứng minh trên)

Suy ra I là trung điểm AB.

Do đó $AI=IB=10\text{cm}$.

Vậy $x=10\text{cm}$.



Hình 41

2. Đường trung bình của hình thang:

?4.

+ Trong ΔADC có :

E là trung điểm AD

$EI//DC$

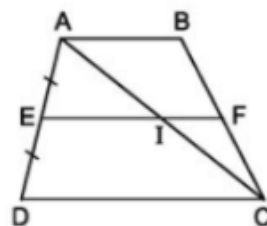
Suy ra I là trung điểm AC.

+ Trong ΔABC có:

I là trung điểm AC

$IF//AB$

Suy ra F là trung điểm BC.



Hình 37

Định lí 3: Đường thẳng đi qua trung điểm của một cạnh bên của hình thang và song song với hai đáy thì đi qua trung điểm cạnh bên thứ hai.

GT | $ABCD$ là hình thang($AB//CD$), $AE=ED, EF//AB, EF//CD$

KL | $BF=FC$

Định nghĩa: Đường trung bình của hình thang là đoạn nối trung điểm hai cạnh bên của hình thang.

Định lí 4: Đường trung bình của hình thang thì song song với hai đáy và bằng nửa tổng hai đáy.

GT | Hình thang $ABCD$ ($AB//CD$), $AE=ED, BF=FC$

KL | $EF//AB, EF//CD, EF=\frac{AB+CD}{2}$

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 8 - TUẦN 3

Bài 22/SGK trang 8

Ta có $MP \perp PQ$, $IK \perp PQ$, $NQ \perp PQ$

Suy ra $MP // IK // NQ$

Do đó $MNQP$ là hình thang.

Trong hình thang $MNQP$ có

I là trung điểm của MN

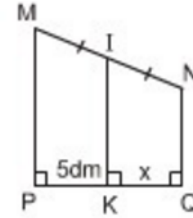
$MP // IK // NQ$

Do đó K là trung điểm của PQ hay $PK = KQ = 5\text{dm}$.

Vậy $x = 5\text{dm}$.

⇒ **Bài tập về nhà:**

Bài 22, 23, 24, 25/SGK trang 80.



Hình 44

2. MÔN NGỮ VĂN 8 – TUẦN 3

Tiết 10 : TLV: XÂY DỰNG ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN

I. Đoạn văn là gì?

1. Ví dụ (Các em đọc ví dụ và trả lời các câu hỏi trong SGK)

2. Nhận xét :

- Là phần văn bản biểu đạt từ chỗ viết hoa lùi đầu dòng kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng và biểu đạt một ý tương đối hoàn chỉnh.

- Do nhiều câu tạo thành.

-> Là đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản.

II. Từ ngữ chủ đề và câu chủ đề trong đoạn văn

1. Từ ngữ chủ đề: Là từ được dùng làm đề mục hoặc lặp lại nhiều lần nhằm duy trì đối tượng được biểu đạt.

2. Câu chủ đề:

- Nội dung khái quát

- Lời lẽ ngắn gọn, thường đủ 2 thành phần chính

- Đứng đầu hoặc cuối đoạn văn.

3./ Cách trình bày nội dung trong đoạn văn.

- Có thể trình bày theo 3 cách: song hành, diễn dịch, quy nạp.

III. Luyện tập: Gọi Ý

Bài tập 1: 2 ý, mỗi ý bằng một đoạn.

Bài tập 2: Nêu cách trình bày đoạn:

a- Trình bày theo cách diễn dịch

b- Trình bày theo cách song hành.

c- Trình bày theo cách song hành.

(Các em tiếp tục làm các bài tập còn lại trong sách giáo khoa)

Tiết 11 – TLV: LIÊN KẾT CÁC ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN

I/ Tác dụng của việc liên kết các đoạn văn trong văn bản

1. Ví dụ: (Các em đọc ví dụ và trả lời các câu hỏi trong sách giáo khoa)

2. Nhận xét:

- Cụm từ “ trước đó mấy hôm” -> là phương tiện liên kết đoạn văn.

-> Sử dụng các phương tiện liên kết giúp đoạn văn liền mạch, liền ý, thể hiện quan hệ ý nghĩa của chúng.

II Cách liên kết các đoạn văn trong văn bản

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 8 - TUẦN 3

1/ Dùng từ ngữ :

Quan hệ từ, đại từ, chỉ từ, các cụm từ thể hiện liệt kê, so sánh, đối lập, tổng kết, khái quát.

2/ Dùng câu nối. (Ghi nhớ SGK)

III. Bài tập(Gợi Ý)

BT1. Tìm những từ ngữ có tác dụng liên kết:

- Nói như vậy: thay thế.
- Thế nào: đối lập
- Cũng: nối đ1 với đ2;
tuy nhiên:nối đ3 với đ2.

BT2 a. từ đó

- nói tóm lại
- tuy nhiên

thật khó trả lời

(Các em làm các bài tập còn lại trong SGK vào vở)

Tiết 12,13:Văn bản:

LÃO HẠC
(Nam Cao)

I/ Tìm hiểu tác giả, tác phẩm

1.Tác giả

- Nam Cao (1915 – 1951)
- Tên khai sinh: Trần Hữu Trí.
- Quê: Hà Nam
- Là nhà văn hiện thực xuất sắc
- Chuyên viết về đề tài nông dân , tri thức nghèo.
- Được giải thưởng HCM về VHNT (1996)

2. Tác phẩm

“ Lão Hạc” (1943) là truyện ngắn xuất sắc viết về người nông dân

II. Đọc và tìm hiểu chung:

1. / Đọc – từ khó

2. Tóm tắt đoạn trích

3.Phương thức biểu đạt.

Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm.

4.Ngôi kể: ngôi thứ nhất

5.Bố cục: 3 phần

III. Tìm hiểu văn bản

1 / Nhân vật Lão Hạc.

a. Tâm trạng của Lão Hạc sau khi bán cậu Vàng.

- Cổ vui, cười như mếu, mắt ầng ậng nước, mặt co rúm lại, ép nước mắt chảy ra, mếu máo, hu hu khóc.

->Từ láy gợi hình, gợi thanh.

->miêu tả ngoại hình để thể hiện nội tâm.

=> Vô cùng đau đớn, xót xa, ân hận, day dứt.=> Sống tình nghĩa, thủy chung, trung thực.

b. Cái chết của Lão Hạc

* Trước khi chết:

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 8 - TUẦN 3

- Lão gửi ông Giáo ba sào vườn, tiền làm ma.
- Giữ vườn cho con, không muốn gây phiền hà cho hàng xóm.
- >Cẩn thận, chu đáo, thương con sâu sắc, giàu lòng tự trọng.

* Khi chết:

- Lão tru tréo, mắt long sòng sọc, bọt mép sùi ra, chốc...cái.
- >cái chết vật vã ,đau đớn, dữ dội.

* Nguyên nhân:

- Giải thoát khỏi cảnh túng quẫn, đói nghèo.
 - Bảo toàn vốn liếng -> dành tương lai cho con.
 - Không để cái đói đẩy mình vào con đường tha hóa, biến chất -> giữ trọn vẹn lòng tự trọng
 - Giải tỏa nỗi day dứt “ vì trót lừa một con chó”
- => Tố cáo xã hội thối nát, đề cao phẩm chất con người.

2.Nhân vật ông Giáo

- Là tri thức nghèo nhưng nhân hậu, có tự trọng, thông cảm, thương xót, kính trọng Lão Hạc.
- Suy nghĩ về cuộc đời, con người
- >sâu sắc => nhân ái.

IV. Tổng kết:

*. Nghệ thuật

- Kể theo ngôi thứ nhất, dẫn dắt truyện tự nhiên linh hoạt.
- Kết hợp kể + miêu tả+ biểu cảm + triết lí sâu sắc.
- Khắc họa nhân vật tài tình:miêu tả tâm lí, ngoại hình; ngôn ngữ sinh động, giàu tính gợi hình, gợi cảm.

* ý nghĩa văn bản

Thể hiện phẩm giá của ng nông dân không thể bị hoen ố cho dù phải sống trong cảnh khốn cùng.

* Ghi nhớ(SGK/T48)

3. MÔN ANH 8 – TUẦN 3

Week 3: Unit 1 (Looking back & Project), Period: 7,8,9

Unit 2 (Getting started, A closer look 1)

UNIT 1: LEISURE ACTIVITIES

H. LOOKING BACH & PROJECT

I. VOCABULARY

1. Odd one out

1. DJY 2. hanging out 3. hospital 4. detest 5. boring 6. computer

2. Rearrange the letters to find the name of the activities

1. socializing with friends. 4. doing DJY
2. relaxing 5. using computers
3. communicating with friends 6. making crafts

II. GRAMMAR

3. Fill in the gaps with the correct form of the verbs

1. working 2. to learn / learning 3. seeing 4. doing 5. meeting 6. play

4. Complete the following sentences with your own ideas

1. My best friend doesn't mind cooking and doing the housework.
2. Do you fancy making crafts in your free time?
3. My father used to hate driving in busy street but now he likes doing it.

4. I love caring for trees and flowers in the garden.

5. My cousin detests going out on cold days.

5. Choose the most suitable words / phrases to fill the gaps.

1. Firstly 2. Secondly 3. Thirdly 4. In addition 5. In short

III. COMMUNICATION

6. Choose from the leisure activities in this unit.

IV. PROJECT: Join our leisure activity.

(free doing – Can do as homework)

UNIT 2: LIFE IN THE COUNTRYSIDE

*** VOCABULARY**

- | | |
|--|------------------------------|
| 1. beehive (n) /bi:'haiv/ | : tổ ong |
| 2. brave (adj) /breiv/ | : can đảm |
| 3. buffalo-drawn cart (n) /'bʌfələʊ-drɔ:n kɑ:t/ | : xe trâu kéo |
| 4. cattle (n) /'kætl/ | : gia súc |
| 5. collect (v) /kə'lekt/ | : thu gom, lấy |
| 6. convenient (adj) /kən'vi:niənt/ | : thuận tiện |
| 7. disturb (v) /dɪ'stɜ:b/ | : làm phiền |
| 8. electrical appliance (n) /ɪ'lektrɪkl ə'plaiəns/ | : đồ điện |
| 9. generous (adj) /'dʒenərəs/ | : hào phóng |
| 10. ger (n) /ger/ | : lều của dân du mục Mông Cổ |
| 11. Gobi Highlands /'gəʊbi 'haɪləndz/ | : Cao nguyên Gobi |
| 12. grassland (n) /'grɑ:slænd/ | : đồng cỏ |
| 13. harvest time (n) /'hɑ:vɪst taɪm/ | : mùa gặt |
| 14. herd (v) /hɜ:d/ | : chăn dắt |
| 15. local (adj, n) /'ləʊkl/ | : địa phương, dân địa phương |
| 16. Mongolia (n) /mɒŋ'gəʊliə/ | : Mông cổ |
| 17. nomad (n) /'nəʊmæd/ | : dân du mục |
| 18. nomadic (adj) /nəʊ'mædɪk/ | : thuộc về du mục |
| 19. paddy field (n) /'pædi fi:ld/ | : đồng lúa |
| 20. pasture (n) /'pɑ:stʃə(r)/ | : đồng cỏ |
| 21. pick (v) /pɪk/ | : hái (hoa, quả...) |
| 22. racing motorist (n) /'reɪsɪŋ məʊtərɪst/ | : người lái ô tô đua |
| 23. vast (adj) /vɑ:st/ | : rộng lớn, bát ngát |

A. GETTING STARTED

1. Listen and read

1a. Are these sentences true (T) or false (F)?

1. T 2. F (sometimes) 3. F (on buffalo – drawn carts) 4. T 5. T .

1b. Answer the questions

1. He's in the countryside. 2. Right on the first day there.
 3. It's big and colourful. 4. His grandfather.
 5. He means that he wishes he were in the countryside too.

1c. Complete the sentences with the words in the box.

1. colourful 2. move slowly 3. harvest time
 4. paddy field 5. herding 6. buffalo-drawn cart

1d. In groups, discuss and find how Nguyen feels about his stay in the countryside.

Tick (✓) the appropriate box. Look for expressions from the conversation to support your ideas.

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 8 - TUẦN 3

Example:

1. *He likes it because he says it's more exciting than he expected. The kite looks great up on the sky/ He lives more happily there and there's still a lot more to explore.*

2. Match the activities with the pictures.

1.e 2.f 3.a 4.c 5.d 6.b

3. Make a list of the things that children often do in the countryside.

- They go swimming in the river / lake / pond.
- They climb trees.
- They ride on the buffalo.
- They help their parents on the farm.
- They fly kites.

4. Game: Countryside charades

B. A CLOSER LOOK 1

I. VOCABULARY

1. Listen and repeat the words.

2. Put the words in 1 into the appropriate category.

To describe	Words
People	Friendly, brave, boring, nomadic, colourful Hospitable, honest, hard-working,
Life	Hard, slow, boring, inconvenient, peaceful, nomadic, colourful, miserable = unhappy
Scenery	Vast, colourful, peaceful, natural, imposing (hùng vĩ)

3. Match the nouns/ noun phrases in the box with the verbs.

ride	a horse, a camel
put up	a tent, a pole
collect	hay, water, fire wood
herb	cattle, the buffalo
pick	wild flowers, apples.

4. Complete the sentences.

1. picking 2. inconvenient, collect 3. herd 4. ridden, brave
5. peaceful 6. nomadic 7. vast 8. put up, hard

II. PRONUNCIATION: Clusters /bl/, /cl/

5. Listen and repeat the words. Pay attention to the initial clusters.

6. Listen and circle the words you hear.

blame, blast, blue, clock, close.

7. Listen to the sentences and repeat.

*** HOMEWORK**

- Learn Vocabulary & Grammar by heart.
- Do the exercises in your Workbook.
- Prepare the next lesson.

4. MÔN VẬT LÝ 8 – TUẦN 3

**BÀI 3. CHUYỂN ĐỘNG ĐỀU
CHUYỂN ĐỘNG KHÔNG ĐỀU**

I. Kiến thức cơ bản

1. Chuyển động đều và chuyển động không đều

- Chuyển động đều là chuyển động có vận tốc không thay đổi theo thời gian.

Ví dụ: Một chiếc xe đạp chuyển động trên đường với vận tốc không đổi 5km/h trong 20 phút.

- Chuyển không động đều là chuyển động có vận tốc thay đổi theo thời gian.

Ví dụ: Một chiếc ô tô chuyển động trên đường với vận tốc luôn thay đổi là 52km/h hay 60km/h.

2. Vận tốc trung bình của chuyển động không đều

Công thức tính vận tốc trung bình của chuyển động không đều

$$V_{tb} = \frac{S_1 + S_2 + S_3 + \dots}{t_1 + t_2 + t_3 + \dots}$$

II. Bài tập vận dụng

Câu 1. Một người đi bộ đều quãng đường đầu dài 3km với vận tốc 2m/s. Ở quãng đường tiếp theo dài 1,95km người đó đi hết 0,5h. Tính vận tốc trung bình của người đó trên cả hai quãng đường.

Câu 2. Cứ sau 20s, người ta lại ghi quãng đường chạy được của một vận động viên chạy 1000m. Kết quả như sau:

Thời gian (s)	0	20	40	60	80	100	120	140	160	180
Quãng đường (m)	0	140	340	428	516	604	692	780	880	1000

a) Tính vận tốc trung bình của vận động viên trong mỗi khoảng thời gian. Có nhận xét gì về chuyển động của vận động viên này trong cuộc đua?

b) Tính vận tốc trung bình của vận động viên trong cả chặng đường.

5. MÔN HÓA HỌC 8 – TUẦN 3

Bài 4: NGUYÊN TỬ

1. Nguyên tử là gì ?

* Nguyên tử là hạt vô cùng nhỏ và trung hoà về điện, từ đó tạo ra mọi chất.

- Nguyên tử gồm:

+ Hạt nhân mang điện tích dương .

+ Vỏ tạo bởi 1 hay nhiều e mang điện tích âm.

-Kí hiệu : + Elect ron : e (-).

Ví dụ: Nguyên tử Heli (Bt5 - trang6)

2.Hạt nhân nguyên tử:

*Hạt nhân nguyên tử tạo bởi proton và notron.

- Kí hiệu: + Proton : p (+)

+ Notron : n (không mang điện).

- Nguyên tử cùng loại có cùng số pro ton trong hạt nhân (tức là cùng điện tích hạt nhân).

$$Số p = Số e.$$

$$m_{\text{hạt nhân}} \approx m_{\text{nguyên tử}}$$

3. Lớp electron

-Electron luôn chuyển động quanh hạt nhân và sắp xếp thành từng lớp.

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 8 - TUẦN 3

-Nhờ có các electron mà nguyên tử có khả năng liên kết.

Hướng dẫn về nhà:

- * Học bài.
- * Làm bài tập:
 1. Làm bài tập 1, 2, 3, 5 trang 15 SGK
 2. Làm bài tập 4.1, 4.3, trang 4, 5 SBT
- * Xem trước bài 5”Nguyên tố hóa học”

Tiết 6 Bài 5: NGUYÊN TỐ HÓA HỌC

I. Nguyên tố hoá học là gì?

1. Định nghĩa:

- Nguyên tố hoá học là tập hợp những nguyên tử cùng loại có cùng proton trong hạt nhân.

- Số p là số đặc trưng của nguyên tố hoá học.

2. Kí hiệu hoá học :

**Kí hiệu hoá học* biểu diễn ngắn gọn nguyên tố hoá học .

- Mỗi nguyên tố hoá học được biểu diễn bằng 1 hay 2 chữ cái. Trong đó chữ cái đầu được viết ở dạng chữ in hoa gọi là kí hiệu hoá học.

*** Ví dụ 1:**

- KHHH của nguyên tố Hydro là: H.
- KHHH của nguyên tố Oxi là: O.
- KHHH của nguyên tố Natri là: Na.
- KHHH của nguyên tố Canxi là: Ca.

*** Quy ước;**

Mỗi kí hiệu của nguyên tố còn chỉ 1 nguyên tử của nguyên tố đó.

*** Ví dụ 2:**

- 3H: 3 nguyên tử hiđrô.
- 5K: 5 nguyên tử kali.
- 6Mg : 6 nguyên tử magie.
- 7Fe: 7 nguyên tử sắt.

*** *Chú ý: Học thuộc kí hiệu hóa học của 30 nguyên tố trang 42 SGK***

Hướng dẫn về nhà:

- * Học bài.
- * Làm bài tập:
 1. Làm bài tập 1, 2, 3 trang 20 SGK
 2. Làm bài tập 5.2; 5.3; 5.4 trang 6 SBT
- * Xem trước bài 5”Nguyên tố hóa học” (tt)

6. MÔN SINH HỌC 8 – TUẦN 3

Bài 5: THỰC HÀNH: QUAN SÁT TẾ BÀO VÀ MÔ

1. Cách làm tiêu bản mô cơ vân:

- Rạch da đùi ếch lấy 1 bắp cơ.
- Dùng kim nhọn rạch dọc bắp cơ (thấm sạch máu).
- Dùng ngón trở và ngón cái ấn lên 2 bên mép rạch.
- Lấy kim mũi mác gạt nhẹ và tách 1 sợi mảnh.
- Đặt sợi mảnh mới tách lên lam kính, nhỏ dd sinh lí NaCl 0,65%.
- Đậy lamén, nhỏ dd axit axetic 1%.

Chú ý: ếch huỷ tuỷ để khỏi nhảy.

2. Quan sát tế bào:

- Thấy được các thành phần chính: màng, tế bào chất, nhân, vân ngang.
- Mô biểu bì: tế bào xếp sát nhau.
- Mô sụn: chỉ có 2 đến 3 tế bào tạo thành nhóm.
- Mô xương: tế bào nhiều.
- Mô cơ: tế bào nhiều, dài.

Tiết 6-Bài 6: PHẢN XẠ

I. Cấu tạo và chức năng của nơron:

a. Cấu tạo nơron gồm:

- Thân: chứa nhân, xung quanh có tua ngắn (sợi nhánh).
- Tua dài (sợi trục): có bao miêlin, tận cùng phân nhánh có cúc xináp.

b. Chức năng

- Cảm ứng: là khả năng tiếp nhận các kích thích và phản ứng lại kích thích (bằng hình thức phát xung thần kinh).
- Dẫn truyền xung thần kinh là khả năng lan truyền xung thần kinh theo 1 chiều nhất định.

c. Các loại nơron

- Nơron hướng tâm (nơron cảm giác).
- Nơron trung gian (nơron liên lạc).
- Nơron li tâm (nơron vận động).

II. Cung phản xạ:

1. Phản xạ:

- Là phản ứng của cơ thể để trả lời kích thích của môi trường (trong và ngoài) dưới sự điều khiển của hệ thần kinh.

2. Cung phản xạ:

- Khái niệm: Cung phản xạ là con đường mà xung thần kinh truyền từ cơ quan thụ cảm (da...) qua trung ương thần kinh đến cơ quan phản ứng (cơ, tuyến...)
- Một cung phản xạ có 3 loại nơron: hướng tâm, trung gian, li tâm.
- Một cung phản xạ gồm 5 thành phần: cơ quan thụ cảm, nơron hướng tâm, nơron trung gian, nơron li tâm, cơ quan phản ứng.

3. Vòng phản xạ: (HS tự đọc)

7. MÔN LỊCH SỬ 8 – TUẦN 3

Bài 3: CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐƯỢC XÁC LẬP TRÊN PHẠM VI THẾ GIỚI

I. Cách mạng công nghiệp.

1. Cách mạng công nghiệp ở Anh.

a. Thành tựu.

<i>Thời gian</i>	<i>Nhà phát minh, sáng chế</i>	<i>Phát minh, sáng chế</i>
1764	Giêm Ha-gri-vo	Máy kéo sợi Gien-ni
1769	Ác-crai-tơ	Máy kéo sợi chạy bằng sức nước
1784	Giêm Oát	Máy hơi nước
1785	Ét-mon Các-rai	Máy dệt đầu tiên ở Anh
1814	Xti-phen-xon	Chiếc đầu máy xe lửa đầu tiên

b. Kết quả.

- Từ một nền sản xuất nhỏ, thủ công chuyên sang sản xuất lớn bằng máy móc.

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 8 - TUẦN 3

- Từ một nước nông nghiệp, Anh đã trở thành nước công nghiệp phát triển nhất thế giới, được mệnh danh là “công xưởng của thế giới”.

2. Cách mạng công nghiệp ở Pháp, Đức.(HS đọc SGK)

3. Hệ quả của cách mạng công nghiệp.

a. *Kinh tế*: Kinh tế phát triển, của cải dồi dào, nhiều thành phố trung tâm công nghiệp ra đời, giải quyết nhiều việc làm cho người lao động.

b. *Xã hội*: Hình thành hai giai cấp cơ bản trong xã hội: tư sản và vô sản mâu thuẫn với nhau.

II. Chủ nghĩa tư bản xác lập trên phạm vi thế giới.

1. Các cuộc cách mạng tư sản thế kỷ XIX.(HS đọc SGK)

2. Sự xác lập của các nước tư bản phương tây đối với các nước Á, Phi.

-Do nhu cầu về nguyên liệu và thị trường các nước tư bản phương Tây tiến hành xâm lược các nước ở châu Á (Ấn Độ, Trung Quốc, khu vực Đông Nam Á) và châu Phi.

-Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX hầu hết các nước châu Á, châu Phi đều trở thành thuộc địa hoặc phụ thuộc của thực dân phương Tây.

8. MÔN ĐỊA LÝ 8 – TUẦN 3

BÀI 2: KHÍ HẬU CHÂU Á

I. Khí hậu châu Á phân hoá rất đa dạng

- Do lãnh thổ trải dài từ vùng cực đến xích đạo nên *châu Á có nhiều đới khí hậu.*

- Ở mỗi đới khí hậu thường phân hoá thành *nhiều kiểu khí hậu* khác nhau tùy theo vị trí gần hay xa biển, địa hình cao hay thấp.

II. Hai kiểu khí hậu phổ biến của Châu Á:

1. Khí hậu gió mùa:

- Đặc điểm một năm một mùa.

+ Mùa đông: khô, lạnh, ít mưa.

+ Mùa hè: nóng, mưa nhiều

- Phân bố:

+ Gió mùa nhiệt đới Nam Á và Đông Nam Á.

+ Gió mùa cận nhiệt đới và ôn đới Đông Á.

2. Kiểu khí hậu lục địa:

- Đặc điểm:

+ Mùa đông khô- rất lạnh

+ Mùa hè khô, rất nóng. Biên độ nhiệt ngày, năm rất lớn, cảnh quan hoang mạc phát triển.

- Phân bố.

+Chiếm diện tích vùng nội địa và Tây Nam Á.

Bài tập.

1. Yếu tố nào tạo nên sự đa dạng của khí hậu châu Á ?

a. Do châu Á có diện tích rộng lớn.

b. Do địa hình châu Á cao, đồ sộ nhất

c. Do vị trí của châu Á nằm giữa 3 đại dương lớn.

2. Điền vào bảng dưới đây đặc điểm chủ yếu của các kiểu khí hậu chính ở châu Á:

Các kiểu khí hậu	Phân bố	Mùa đông	Mùa hè
Các kiểu khí hậu gió mùa			
Các kiểu khí hậu lục địa			

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 8 - TUẦN 3

3. Nguyên nhân nào dẫn đến khác nhau giữa kiểu khí hậu gió mùa và kiểu khí hậu lục địa.?

Hướng dẫn về nhà

- Trả lời câu hỏi cuối bài.
 - Câu hỏi 2: Vẽ biểu đồ:
 - . Trục ngang: chia 12 tháng, chiều rộng mỗi tháng cách nhau 1cm.
 - . Trục dọc: cột phải ghi lượng mưa, cột trái ghi nhiệt độ, mỗi cm ứng với lượng mưa 20mm, nhiệt độ 5 độ C.
- Biểu đồ nhiệt độ: đường màu đỏ; biểu đồ lượng mưa: cột màu xanh
- Tìm hiểu các con sông của châu Á và soạn bài 3

9. MÔN CÔNG NGHỆ 8 – TUẦN 3

Tiết 5: BÀI TẬP THỰC HÀNH ĐỌC BẢN VẼ CÁC KHỐI ĐA DIỆN

I. Chuẩn bị:

- Dụng cụ: Thước, giấy A₄, bút chì, compa
- SGK, vở bài tập

II. Nội dung thực hành:

1. Đọc kỹ nội dung thực hành và kẻ bảng 5.1 vào giấy A₄, đánh dấu x vào ô thích hợp
2. Vẽ các hình chiếu đứng, bằng, cạnh của 1 trong các vật thể ở h 5.2

III. Các bước tiến hành

- Bước 1: XĐ mối tương quan giữa vật thể và hc
- Bước 2: Vẽ hình chiếu:
 - + Vẽ mờ
 - + Kiểm tra hd, kt, tô đậm lại các nét vẽ

Tiết 6: BẢN VẼ CÁC KHỐI TRÒN XOAY

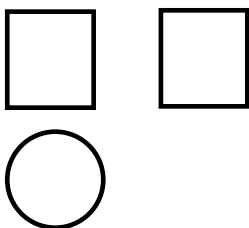
I. Khối tròn xoay:

- * Hình trụ: Khi quay một hcn một vòng quanh một cạnh cố định ta được hình trụ
- * Hình nón: Khi quay một tam giác vuông một vòng quanh một cạnh góc vuông cố định ta được một h nón
- * Hình cầu: Khi quay một nửa hình tròn một vòng quanh một đường kính cố định ta được hình cầu

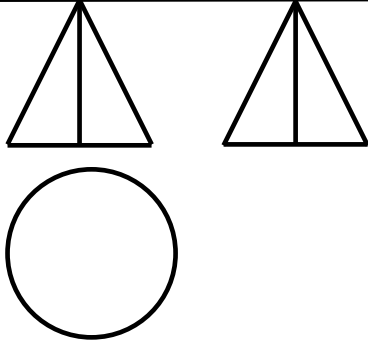
II. Hình chiếu của hình trụ, hình nón, hình cầu

1. Hình trụ:

Hình chiếu	Hình dạng	Kích thước
Đứng	Hình chữ nhật	Chiều cao, ĐK đáy
Bằng	Hình tròn	ĐK đáy
Cạnh	Hình chữ nhật	C cao, ĐK đáy

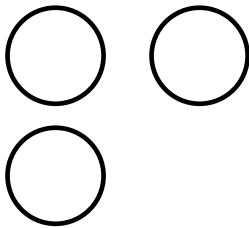


2. Hình nón:



Hình chiếu	Hình dạng	Kích thước
Đứng	Tam giác	C. cao, ĐK đáy
Bằng	H. Tròn	ĐK đáy
Cạnh	Tam giác	C. Cao, ĐK đáy

3. Hình cầu:



Hình chiếu	Hình dạng	Kích thước
Đứng	H. Tròn	ĐK
Bằng	H. Tròn	
Cạnh	H. Tròn	

10. MÔN GDCD 8 – TUẦN 3

Bài 3: TÔN TRỌNG NGƯỜI KHÁC

I. Phần nội dung bài học HS ghi vào vở:

1. Thế nào là tôn trọng người khác?

Tôn trọng người khác là sự đánh giá đúng mức, coi trọng danh dự, phẩm giá và lợi ích của người khác; thể hiện lối sống có văn hóa của mỗi người.

* **Biểu hiện:** Biết lắng nghe; biết cư xử lễ phép, lịch sự với người khác; biết thừa nhận và học hỏi những điểm mạnh của người khác; không xâm phạm tài sản, thư từ, sự riêng tư của người khác, tôn trọng sở thích, thói quen, bản sắc của người khác

2. Vì sao cần phải tôn trọng người khác:

- Có tôn trọng người khác thì mới nhận được sự tôn trọng của người khác đối với mình.
- Mọi người tôn trọng lẫn nhau là cơ sở để quan hệ trở nên lành mạnh, trong sáng và tốt đẹp hơn.

3. Cách rèn luyện:

- Biết tôn trọng danh dự, nhân phẩm, thói quen, bí mật riêng tư của bạn bè và mọi người xung quanh ở mọi nơi, mọi lúc.
- Đồng tình, ủng hộ những hành vi cư xử lịch sự, lễ phép với người khác; biết thừa nhận và học hỏi điểm mạnh của người khác...Phê phán những hành vi không lịch sự, thiếu tôn trọng người khác.

II. Phần HS đọc, tìm hiểu và trả lời các câu hỏi:

* **HS đọc phần Đặt vấn đề SGK Tr 9 và trả lời các câu hỏi:**

H1: Em có nhận xét gì về cách xử sự của bạn Mai?

H2: Em có nhận xét gì về hành vi của các bạn trong lớp Hải? Nếu em là Hải em sẽ xử sự như thế nào?

H3: Em có nhận xét gì về hành vi của Quân và Hùng?

H4: Trong các cách xử sự trên, cách xử sự nào chúng ta cần học tập? Vì sao?

* **HS suy nghĩ và trả lời các tình huống, câu hỏi sau:**

TH1 : Có người cho rằng tôn trọng người khác là tự hạ thấp mình.

? Em tán thành với ý kiến trên không? Vì sao?

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 8 - TUẦN 3

TH2: Hồng và Hoa dạo chơi trong công viên thành phố. Ăn kẹo xong Hồng vứt ngay giấy xuống thảm cỏ bên cạnh lối đi. Thấy vậy, Hoa nhặt lên và bỏ vào thùng rác. Hoa trách Hồng: Cậu làm thế là không bảo vệ môi trường rồi! Hồng cãi lại: Vứt mẩu giấy nhỏ xuống cỏ thì có gì đâu mà không bảo vệ môi trường!

? Em suy nghĩ thế nào về việc làm của Hồng?

? Em đã tôn trọng người khác chưa? Hãy nêu những việc làm của em thể hiện tôn trọng người khác.

? Em hãy kể những câu chuyện về tấm gương tôn trọng người khác mà em biết?

? Qua câu chuyện trên em rút ra bài học gì?

? Để trở thành người biết tôn trọng người khác em cần rèn luyện như thế nào?

III. Phần HS làm vào vở bài tập:

HS làm bài tập 1,2,3 SGK Tr 10

11. MÔN TIN HỌC 8 – TUẦN 3

Bài thực hành 1. LÀM QUEN VỚI TURBO PASCAL

I. Kiến thức cơ bản

1. Cách khởi động và thoát Turbo Pascal

- Có thể khởi động Turbo Pascal bằng hai cách:

+ Cách 1: Nháy đúp chuột vào biểu tượng Turbo Pascal trên màn hình nền.

+ Cách 2: Nháy đúp chuột vào tên tệp Turbo.exe trong thư mục chứa tệp này.

- Có thể thoát khỏi Turbo Pascal bằng hai cách:

+ Cách 1: Chọn Menu File => Exit.

+ Cách 2: Sử dụng tổ hợp phím Alt + X .

2. Nhận biết các thành phần: Thanh bảng chọn, tên tệp đang mở, con trỏ, dòng trợ giúp phía dưới màn hình

- Nhấn phím F10 để mở bảng chọn, sử dụng các phím mũi tên sang trái và sang phải để di chuyển qua lại giữa các bảng chọn.

- Nhấn Enter để mở một bảng chọn.

3. Dịch, sửa và chạy chương trình

- Nhấn phím F9 để dịch chương trình.

- Tiến hành sửa lỗi nếu có.

- Nhấn Ctrl + F9 để chạy chương trình.

II. Bài tập vận dụng

Bài tập: Yêu cầu HS gõ, dịch và chạy các dòng lệnh dưới đây:

```
Program CT_dau_tien;
```

```
Uses CRT;
```

```
Begin
```

```
Clrscr;
```

```
Writeln('chao cac ban');
```

```
Writeln(' Toi la Turbo Pascal');
```

```
End.
```

12. MÔN ÂM NHẠC 8 – TUẦN 3

- Ôn tập bài hát: *Mùa Thu Ngày Khai Trường*

- Ôn tập Tập đọc nhạc: *TĐN Số 1*

- Âm nhạc thường thức: *Nhạc sĩ Trần Hoàn và bài hát*

Một mùa xuân nho nhỏ

I. Ôn tập bài hát: Mùa thu ngày khai trường

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 8 - TUẦN 3

- HS ôn lại bài hát kết hợp gõđệm nhịp, phách theo lời bài hát
- HS hát kết hợp vận động phụ họa theo lời bài hát

II. Ôn tập đọc nhạc: Số 1

HS ôn lại bài TĐN kết hợp gõđệm nhịp, phách theo bài TĐN số 1

III. Âm nhạc thường thức: Nhạc sĩ Trần Hoàn và bài hát Một mùa xuân nho nhỏ

1. Nhạc sĩ Trần Hoàn:

- Tên thật là Nguyễn Tăng Hích, sinh năm 1928, ở Quảng Trị. Nguyên là Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin. Mất năm 2003.
- Tác phẩm tiêu biểu: Sơn nữ ca, Lời Bác dặn trước lúc đi xa, Lời ru trên nung, Giữa Mạc Tư Khoa nghe câu hò ví dặm,..
- Năm 1996 ông được nhà nước trao tặng giải thưởng HCM về Văn học - Nghệ thuật.

2. Bài hát Một mùa xuân nho nhỏ:

- Được phổ nhạc vào năm 1980.
- Nội dung bài hát gợi tả bức tranh xuân đầm ấm với nhiều cảm xúc chan chứa tình người.

13. MÔN MỸ THUẬT 8 – TUẦN 3

BÀI 5: THƯỜNG THỨC MỸ THUẬT

MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU CỦA MỸ THUẬT THỜI LÊ

I. Kiến trúc.

- Chùa Keo (Thái Bình) được xây dựng từ thời Lý, sau đó được tu sửa lớn vào thế kỷ XVII. Chùa Keo gồm 154 gian (hiện còn 128 gian) được xây dựng nối tiếp nhau: có Khu tam bảo thờ Phật, khu điện thờ Thánh và cuối cùng là gác chuông.
- Gác chuông chùa Keo gồm 4 tầng, cao 12m là công trình kiến trúc bằng gỗ tiêu biểu, chính xác về kết cấu, đẹp về hình dáng, xứng đáng là niềm tự hào của kiến trúc cổ Việt Nam.

II. Điêu khắc và chạm khắc trang trí.

1. Điêu khắc.

- Tượng “Phật bà Quan Âm nghìn mắt nghìn tay” (ở chùa Bút Tháp, Bắc Ninh).
- Tượng được tạc năm 1656, bằng gỗ, phủ sơn.
- Tượng cao 3,7m, phần bệ cao 2m
- Tư thế tọa thiền trên tòa sen.Có 42 tay lớn và 952 tay nhỏ, mỗi lòng bàn tay có một con mắt.
- Có 11 khuôn mặt và trên cùng là tượng Phật A Di Đà
- Pho tượng mang tính tượng trưng cao, được lồng ghép bằng nghìn chi tiết công phu.
- Toàn bộ pho tượng là sự thống nhất trong cách diễn tả đường nét và hình khối.

2. Điêu khắc trang trí:

- Hình rồng ở trên bia lăng vua Lê Thái Tổ tái hiện hình rồng thời Lý – Trần đã đạt tới mức hoàn chỉnh.
- Thời kỳ sau đó có những nét ảnh hưởng của rồng Trung Quốc.
- Hình rồng thời Lê có bố cục chặt chẽ, hình mẫu tròn vẹn và sự linh hoạt về đường nét.
- Cuối thời Lê, hình rồng châu mặt trời là loại bố cục hoàn toàn mới trong trang trí bia đá cổ ở Việt Nam.

14. MÔN THỂ DỤC 8 – TUẦN 3

Bài học : BÀI THỂ DỤC - CHẠY NGẮN – CHẠY BỀN

NỘI DUNG:

- Biết cách thực hiện các động tác bài TD từ 1 đến 17.
 - Biết cách thực hiện: chạy bước nhỏ, chạy nâng cao đùi, chạy đạp sau. Trò chơi “Chạy tiếp sức”.
 - Biết các phương pháp hồi tĩnh sau khi chạy bền và cách chạy vượt chướng ngại vật.

NỘI DUNG BÀI HỌC

1. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC :

***Nội dung :**

+ **chủ đề 1 : Chạy ngắn:** ôn tập

- Một số bài tập bổ trợ.

- Trò chơi: “ Chạy đuổi”

+ **chủ đề 2 : Bài Thể dục**

- Ôn từ nhịp 1- 8

+ **Chủ đề 3 : Chạy bền**

- Tập chạy vượt chướng ngại vật và kiểm tra mạch trước và sau khi chạy bền.

- **Nghiên cứu tranh ảnh, tài liệu, tự tập : giao nhiệm vụ**

- Bài tập 1 : Trò chơi : ôn lại các trò chơi ở tiết trước đã học

- Bài tập 2 : nghiên cứu tranh và em Gv làm mẫu và cùng tập theo 8 nhịp của bài TDPTC.

2. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

2.1. Chạy ngắn :

- Tập các bài tập bổ trợ : Tại chỗ nâng cao đùi- đánh lăng tay hết tốc độ

2.2. Chủ đề 2 : Bài TD

- Ôn từ nhịp 1 - 17

2.3. Chủ đề 3 : Chạy bền

- Tập chạy vượt chướng ngại vật

- Gv hướng dẫn cách kiểm tra mạch trước và sau khi chạy.

3. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

- Về nhà ôn tập, luyện tập thêm để hoàn thiện kỹ thuật chạy ngắn. chuẩn bị tốt nhất cho tiết sau kiểm tra.

Bài học : BÀI THỂ DỤC - CHẠY NGẮN

NỘI DUNG:

- Biết cách thực hiện các động tác bài TD từ 1 đến 17. Học từ nhịp 18 - 25
 - Biết cách thực hiện: chạy bước nhỏ, chạy nâng cao đùi, chạy đạp sau. Trò chơi “Chạy tốc độ cao”, xuất phát cao chạy nhanh 30-60m.

NỘI DUNG BÀI HỌC

1. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

***Nội dung :**

+ **chủ đề 1 : Chạy ngắn:** ôn tập

- Một số bài tập bổ trợ.

- Trò chơi: “ Chạy lò cò tiếp sức”

+ **chủ đề 2 : Bài Thể dục**

- Ôn từ nhịp 1-8

NỘI DUNG KIẾN THỨC CÁC MÔN HỌC CỦA KHỐI 8 - TUẦN 3

- Học từ nhịp 9- 17

2.2. Nghiên cứu tranh ảnh, tài liệu, tự tập : giao nhiệm vụ

- Bài tập 1 : Trò chơi : ôn lại các trò chơi ở tiết trước đã học

- Bài tập 2 : nghiên cứu tranh và em Gv làm mẫu và cùng tập theo 17 nhịp của bài TDPTC.

2. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

2.1. Chạy ngắn :

Bài tập :

- Tập các bài tập bổ trợ : Tại chỗ nâng cao đùi- đánh lăng tay hết tốc độ

- Trò chơi: Chạy tốc độ cao

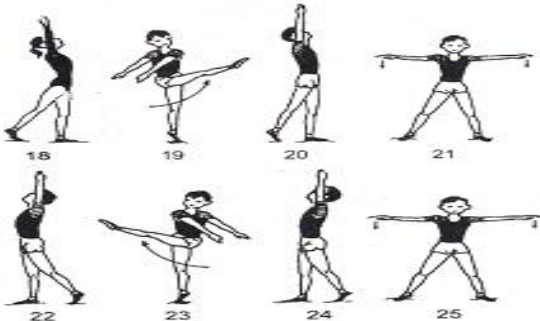
+ Gv cho Hs nâng cao đùi tốc độ tại nhanh, khi có tín hiệu còi thì chạy hết tốc độ ra trước một đoạn 20m – em ai nhanh hơn.

- xuất phát cao chạy nhanh 30-60m

2.2. Chủ đề 2 : Bài TD

- Ôn : từ nhịp 1- 8

- Học từ nhịp 9 – 17



3. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

- Về nhà ôn tập, luyện tập thêm để hoàn thiện kỹ thuật chạy ngắn. chuẩn bị tốt nhất cho tiết sau kiểm tra.